TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2024.
"*V/v tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Đặng Ngọc Thu.**
2. Ông **Nguyễn Văn Hoàng.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Kim Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 09/01/2024 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn Văn H,** sinh năm 1943.
Nơi cư trú: Số B, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang (*xin vắng mặt*).

* ***Bị đơn***: Bà **Đặng Thị G**, sinh năm 1951.
Nơi cư trú: Số C, đường A, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai ý kiến đề ngày 20/11/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị G trước đây quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian, sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 1980 theo truyền thống và phong tục người Việt Nam và được gia đình thân tộc 02 bên công nhận là vợ chồng, tuy nhiên không có thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau ông và bà G sống chung với nhau như vợ chồng đến năm 1983 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Sau đó ông và bà G đã ly thân nhau, mạnh

ai nấy sống không ai quan tâm lo lắng cho nhau. Nay ông H xác định hôn nhân không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị G.

- Về con chung: Ông và bà G có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 25/01/1981 và Nguyễn Thị Lệ H1, sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quyền và nghĩa vụ tài sản: Ông H xác định ông và bà G không có nợ gì của ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông, bà.

Ngoài ra, ông H xác định giữa ông và bà G không có tài sản chung gì hết. Từ năm 1983 đến nay, ông và bà G không còn sống chung nên không tạo ra tài sản chung. Đối với các tài sản do bà G tự tạo dựng đứng tên ông H xác định đó là tài sản riêng của bà G, ông không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản do bà G đứng tên. Vì vậy, đề nghị Tòa án ghi nhận ông và bà G không có tài sản chung, những tài sản nào do bà G đứng tên đều là tài sản riêng của bà G, bà G tự định đoạt đối với tài sản đó không cần có sự thống nhất của ông H. Ông H cam kết không khiếu nại gì về sau.

***Bị đơn bà Đặng Thị G*:** Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án. Bà G có bản khai ý kiến gửi đến Tòa án có nội dung: Đã nhận được đơn khởi kiện và bản khai ý kiến của ông H gửi cho bà trước khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, bà thống nhất với đơn khởi kiện và bản khai ý kiến của ông H.

Quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tự khai của nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý kiến nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn thống nhất ly hôn với nguyên đơn, xác định con chung đã trưởng thành; không có nợ gì của ai; cả 02 bên (*ông H, bà G*) xác định không có tài sản chung, tài sản bên nào tạo dựng đứng tên là tài sản riêng của họ, sau khi được ly hôn các bên thực hiện hành vi định đoạt tài sản không cần sự đồng ý và ý kiến của nhau (*nguyên đơn và bị đơn tự định đoạt theo ý nguyện của họ*), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản xin vắng mặt; không bổ sung, cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Ông H xin ly hôn với bà G, đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình nên ông H là người có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn; bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V do đó thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân giữa ông H và bà G được hình thành trên cơ sở tự nguyện. Tuy, ông H và bà G không thực hiện đăng ký kết hôn nhưng hôn nhân giữa ông và bà G xác lập năm 1980, có tổ chức lễ cưới theo phong tục người Việt Nam và đã chung sống như vợ chồng, đã có 02 con chung sinh năm 1981 và năm 1983 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Căn cứ ý kiến trình bày tại bản tự khai của nguyên và bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy vì đời sống hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị G bị đổ vỡ, tình cảm vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lo lắng cho nhau; cả 02 đã ly thân nhau từ năm 1983, không còn sống chung nên hôn nhân không còn sự tự nguyện, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tự khai của bị đơn, cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Đặng Thị G.

- Về con chung: Theo trình bày của các đương sự và chứng cứ thể hiện ông H và bà G có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 25/01/1981 và Nguyễn Thị Lệ H1, sinh năm 1983. Các con của đương sự đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quyền và nghĩa vụ tài sản:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có tài sản chung, không có nợ gì của ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, tại bản tự khai của các đương sự đều xác định ông H và bà G không có tài sản chung, đề nghị ghi nhận sau khi ly hôn tài sản riêng của bên nào thì bên đó tự thực hiện quyền định đoạt mà không cần ý kiến của phía bên còn lại Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung trên.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn trên 60 thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội và phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Đặng Thị G.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 25/01/1981 và Nguyễn Thị Lệ H1, sinh năm 1983 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Quyền và nghĩa vụ tài sản của các đương sự: Ghi nhận ý kiến xác nhận của nguyên và bị đơn không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét giải quyết; nguyên và bị đơn tự thực hiện quyền định đoạt đối với tài sản riêng của mỗi bên.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn cho nguyên đơn; bị đơn không phải nộp án phí.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn